

Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1. 里 学校 安静 十分
Lǐ xuéxiào ānjìng shífēn

2. 的 你 大 学校 吗
De nǐ dà xuéxiào ma

3. 忙 的 经理 我们 很
Máng de jīnglǐ wǒmen hěn